TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2023/QĐST-HNGĐ	*Mỏ Cày Bắc, ngày 22 tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1) Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M** - Sinh năm: 1985, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Bến Tre.

1.2) Bị đơn: Ông **Huỳnh Thành N** - Sinh năm: 1982; địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Công nhận cho ông Huỳnh Thành N được quyền sử dụng, quản lý, canh tác các thửa đất như sau:

- Thửa đất số L, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre có diện tích là 979,8m^2 (phần đất này do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Thành N vào ngày 13/7/2017 đến ngày 10/8/2017 điều chỉnh thành quyền sử dụng đất chung của ông Huỳnh Thành N và bà Nguyễn Thị M).

- Thửa đất số Q, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre có diện tích là 815,3m^2 (phần đất này do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Thành N và bà Nguyễn Thị M vào ngày 28/5/2018).

- Thửa đất số X, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre có diện tích là 647,3m^2 (phần đất này do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Thành N và bà Nguyễn Thị M vào ngày 24/5/2018).

Các thửa đất nêu trên hiện do ông Huỳnh Thành N trực tiếp canh tác, quản lý, sử dụng. Ông Huỳnh Thành N, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, chuyển quyền sử dụng đất sang cho ông Huỳnh Thành N đối với các thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

2.2) Ông Huỳnh Thành N được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng, sở hữu một ngôi nhà tường cấp 4 trên thửa đất số 539, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2.3) Ghi nhận ông Huỳnh Thành N đã giao cho bà Nguyễn Thị M số tiền là 150.000.000VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 14/6/2023.

2.4) Ông Huỳnh Thành N có nghĩa vụ giao tiếp cho bà Nguyễn Thị M số tiền là 350.000.000VNĐ (ba trăm năm mươi triệu đồng) nhưng được chia làm hai lần giao như sau:

+ Ngày 15/8/2023 ông N có nghĩa vụ giao cho bà M số tiền là 100.000.000VNĐ (một trăm triệu đồng).

+ Ngày 15/8/2024 ông N có nghĩa vụ giao cho bà M số tiền còn lại là 250.000.000VNĐ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

2.5) Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.6) Về án phí:

2.6.1. Bà Nguyễn Thị M, ông Huỳnh Thành N đã tự thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng và có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà M, ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

2.6.2. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.362.000VNĐ (tám triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005156 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện C;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên